

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2026/HS-ST
Ngày 04-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Kim Thêu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khiêm

Bà Chu Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Ma Văn Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2026/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Đức A, tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 4 năm 1994, tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020094007***; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khối A, phường K, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1974; vợ: Lương Thị Mai L, sinh năm 1993; con: Có 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2026 đến nay, có mặt.

2. Mao Thái M, tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 3 năm 2004, tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020204008***; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khối B, phường K, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mao Văn H, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1981; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2026 đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Minh A1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 28 tháng 4 năm 1995, tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020095004***; nơi đăng ký thường trú: K + 2, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: K, phường T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tuấn A2, sinh năm 1963 và bà Mông Hồng V, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2026 đến nay, có mặt.

4. Bế Việt A3, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 11 năm 1993, tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020093001***; nơi đăng ký thường trú: Số C T, khối A, phường K, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số A, ngõ A, đường B, khối B, phường T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Kim O, sinh năm 1965 và bà Đinh Thị Tú O1, sinh năm 1981; Vợ: Không có; con: Không có; là Đảng viên Đ, ngày 22/5/2026, Đảng ủy phường K đã ra Quyết định số 11-QĐ/UBKTĐU đình chỉ sinh hoạt đảng đối với B1; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 88/2012/HSST ngày 25/6/2012 Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, được trừ đi 01 ngày tạm giữ, thời gian thử thách là 17 tháng 28 ngày (đã được xoá án tích), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Lưu Xuân B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Khối A, phường K, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1974; địa chỉ: Khối A, phường K, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Chị Lương Thị T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn K, xã C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Chị Lương Hồng M1, sinh năm 1993; địa chỉ: Số C, đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 50 phút, ngày 12/01/2026, tổ công tác của Công an xã L, tỉnh Lạng Sơn phối hợp cùng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) Công an tỉnh L làm nhiệm vụ tại khu vực thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn phát hiện tại phòng hát VIP 5 trên tầng 2 quán K2 của hộ kinh doanh ông Lưu Xuân B, sinh năm 1982, địa chỉ: thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn có một số đối tượng có biểu hiện nghi vấn vi phạm pháp luật về ma túy. Tại thời điểm kiểm

tra, trong phòng V1 có 06 người gồm: Hoàng Đức A, sinh năm 1994, trú tại khối A, phường K, tỉnh Lạng Sơn; Mao T, sinh năm 2004, trú tại khối B, phường K, tỉnh Lạng Sơn; Nguyễn Minh A1, sinh năm 1995, trú tại khối A, phường T, tỉnh Lạng Sơn; Lê Thị T2, sinh năm 2000, trú tại thôn B, xã G, tỉnh Thanh Hóa; Hoàng Thị L1, sinh năm 1988, trú tại Xóm Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ; Chu Thị L2, sinh năm 1996, trú tại thôn P, xã L, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra tổ công tác còn phát hiện thu giữ một số dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 đĩa sứ màu trắng trên bề mặt đĩa có các chất bột màu trắng; 01 thẻ nhựa cứng màu đen (thẻ ATM); 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) được cuộn tròn, dính lại thành dạng ống; 03 ly nhựa.

Tiến hành kiểm tra nhanh chất ma túy trong cơ thể đối với những người có mặt tại phòng Vip 5 nêu trên, kết quả Hoàng Đức A, Mao T và Nguyễn Minh A1 dương tính với các chất ma túy Methamphetamine, MDMA và Ketamine; Lê Thị T2, Hoàng Thị L1 và Chu Thị L2 âm tính.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Hoàng Đức A, Mao Thái M, Nguyễn Minh A1 và Bé Việt A3 khai nhận:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 12/01/2026, khi đang uống bia cùng Mao Thái M tại khu vực đường N, phường K, tỉnh Lạng Sơn, Hoàng Đức A rủ Mao T cùng mua ma túy dạng “ke, kẹo” về sử dụng, tiền mua ma túy Mao Thái M sẽ chi trước rồi sau đó Hoàng Đức A sẽ trả sau thì Mao Thái M đồng ý. Hoàng Đức A sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax nhắn tin qua ứng dụng M2 (tên tài khoản Facebook của Đức A là “*Bạn N1*”) cho Nguyễn Minh A1 (sử dụng tài khoản Facebook tên “*Minh Anh N2*”) nhờ tìm mua 01 chỉ ma túy Ke và 03 viên ma túy Kẹo, tiền mua ma túy do Hoàng Đức A trả rồi sẽ cho Nguyễn Minh A1 sử dụng ma túy cùng thì Nguyễn Minh A1 đồng ý.

Nguyễn Minh A1 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax gọi qua ứng dụng Messenger cho Bé Việt A3, sinh năm 1994, đăng ký thường trú: số C đường T, khối A, phường K, tỉnh Lạng Sơn, chỗ ở hiện nay: số A, ngõ A, đường B, phường T, tỉnh Lạng Sơn để hỏi mua 01 chỉ ma túy Ke và 03 viên ma túy Kẹo thì Bé Việt A3 đồng ý và yêu cầu Nguyễn Minh A1 trả tiền trước. Lúc này Bé Việt A3 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger cho Nông Quốc T3, sinh năm 1990, trú tại số G, ngõ E, tổ A, khối B, phường K, tỉnh Lạng Sơn để hỏi mua 01 chỉ ma túy Ke và 03 viên ma túy Kẹo thì Nông Quốc T3 đồng ý và báo giá là 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau khi trao đổi với Nông Quốc T3, Bé Việt A3 gọi cho Nguyễn Minh A1 để thông báo có ma túy và số tiền mua ma túy là 3.900.000đ (*ba triệu chín trăm nghìn đồng*) thì Nguyễn Minh A1 nhắn tin cho Hoàng Đức A biết số tiền mua ma túy và được Hoàng Đức A đồng ý. Nguyễn Minh A1 tiếp tục nhắn mã QR số tài khoản 9999928041995 ngân hàng M5 mang tên Nguyễn Minh A1 cho Hoàng Đức A để chuyển tiền, Hoàng Đức A bảo Mao Thái M chuyển tiền thì Mao Thái M đồng ý và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 17 Promax đăng nhập vào tài khoản số 0388914965 ngân hàng S chuyển số tiền 3.900.000đ (*ba triệu chín trăm nghìn đồng*) đến tài khoản của Nguyễn

Minh A1. Sau khi trao đổi mua ma túy xong, Hoàng Đức A hẹn Nguyễn Minh A1 mang ma túy đến quán K2 thuộc thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn để cùng sử dụng rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 12P1-100.62 chở Mao Thái M đến quán K2 đặt phòng hát trước.

Khi nhận được tiền do Mao Thái M chuyển đến, Nguyễn Minh A1 tiếp tục chuyển số tiền 3.900.000đ (*ba triệu chín trăm nghìn đồng*) cho Bé Việt A3 qua số tài khoản 3510492580 ngân hàng BIDV mang tên Bé Việt A3. Sau khi nhận được tiền, Bé Việt A3 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 12V1-143.16 đi đến nhà của Nông Quốc T3 tại số G, ngõ E, tổ A, khối B, phường K, tỉnh Lạng Sơn gặp và chuyển tiền bằng mã QR đến số tài khoản 8886888338 ngân hàng T5 mang tên Nông Quốc T3 rồi nhận lại 01 túi nilon bên trong có 01 chỉ ma túy K và 03 viên ma túy Kẹo từ N. Nhận được ma túy, Bé Việt A3 điều khiển xe mô tô đi về nhà, khoảng 15 phút sau thì Nguyễn Minh A1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 12D1-131.71 đến nhà Bé Việt A3 nhận ma túy từ Bé V.

Sau khi mua được ma túy, Nguyễn Minh A1 đi đến phòng V1 quán K2 nơi Hoàng Đức A và Mao T đang chờ. Khi vào trong phòng hát Nguyễn Minh A1 lấy gói ma túy “Ke” ra đưa cho Hoàng Đức A, còn gói ma túy “Kẹo” Nguyễn Minh A1 tự dùng chai nước ngọt trên bàn nghiền vài lần để mịn, chia đều vào 03 ly nhựa trên bàn trong phòng hát rồi đổ nước C vào từng ly để pha, khi pha xong Nguyễn Minh A1 tự uống một ly, sau đó đến Hoàng Đức A, cuối cùng là Mao Thái M mỗi người uống một ly. Sau khi sử dụng xong ma túy “Kẹo”, cả nhóm tiếp tục chuyển sang sử dụng ma túy “Ke”, Hoàng Đức A lấy chiếc bật lửa Nguyễn Minh A1 để trên bàn rồi một mình đi xuống tầng dưới tự tìm và lấy một chiếc đĩa sứ màu trắng mang lên phòng vệ sinh bên cạnh phòng hát, dùng bật lửa đốt giấy để hơ đĩa cho nóng. Sau đó Hoàng Đức A quay lại phòng hát lấy túi ma túy “Ke” trước đó Nguyễn Minh A1 đưa cho đổ ra đĩa sứ, dùng thẻ nhựa màu đen (dạng thẻ ATM) của mình cán ma túy thành bột mịn và chia, kẻ ma túy thành các đường thẳng nhỏ trên đĩa sứ rồi bảo Mao Thái M lấy cho 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) để cuộn tờ tiền thành ống hút và rút lõi đầu lọc điều thuốc lá để lắp cố định ống hút. Khi chuẩn bị ma túy xong, Hoàng Đức A để chiếc đĩa có ma túy “Ke” cùng ống hút ở trên bàn. Mao Thái M đến tự cầm đĩa và ống hút hít một đường, hít xong Mao Thái M cầm đĩa mời Hoàng Đức A hít một đường, Mao Thái M tiếp tục cầm đĩa đến mời Nguyễn Minh A1 nhưng Nguyễn Minh A1 chưa sử dụng nên Mao Thái M để đĩa xuống bàn, một lát sau Nguyễn Minh A1 tự đến cầm đĩa sứ lên và hít một đường rồi lại để đĩa xuống bàn và ngồi nghe nhạc. Khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày thì có 03 nhân viên nữ của quán K2 là Lê Thị T2, Hoàng Thị L1 và Chu Thị L2 vào phòng hát để rót bia, bấm bài phục vụ khách. Trong khi các nhân viên đang rót bia, bấm bài thì Mao Thái M tiếp tục cầm đĩa sứ lên mời Hoàng Đức A sử dụng thì cùng lúc đó lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận giám định số 107/KL-KTHS ngày 15/01/2026 của Phòng K3 Công an tỉnh L kết luận: chất bột màu trắng có trong 01 túi nilon gửi giám định là chất ma túy Ketamine, có khối lượng 0,102 gam (đã trừ bì).

Tại Bản Kết luận giám định số 125/KL-KTHS ngày 19/01/2026 của Phòng K3 Công an tỉnh L kết luận: số tiền Việt Nam 20.000 đồng được niêm phong trong phong bì gửi giám định là tiền thật.

Tại Bản Kết luận giám định số 530/KL-KTHS ngày 26/5/2026 của Phòng K3 Công an tỉnh L kết luận: Trong thời gian từ ngày 29, 30/12/2025 đến ngày 12/01/2026 không khôi phục, trích xuất được dữ liệu nhật ký cuộc gọi, tin nhắn của ứng dụng M3, Facebook trong điện thoại gửi giám định (điện thoại của Bé Việt A3).

Tại cáo trạng số 22 /CT-VKSKV5 ngày 09/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo như sau: Truy tố các bị cáo Hoàng Đức A, Mao Thái M và Nguyễn Minh A1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bé Việt A3 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Đức A, Mao T và Nguyễn Minh A1 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bé Việt A3 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Đức A, Nguyễn Minh A1; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mao Thái M; áp dụng điểm khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bé Việt A3; áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức A từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Minh A1, Mao Thái M từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Bé Việt A3 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng chất ma túy Ketamine và vỏ bao gói còn lại sau giám định; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ ATM nhựa cứng màu đen; 03 ly nhựa cứng, trắng trong; 01 bật lửa nhãn hiệu thống nhất màu đỏ; 03 đoạn vỏ đầu lọc thuốc lá được niêm phong trong 01 (một) bì có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Công an xã L, tỉnh Lạng Sơn. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu xanh, dung lượng 128GB, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel, số IMEI1: 35869173913368, số IMEI2: 358691739243644 thu giữ của bị cáo Bế Việt A3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, dung lượng 64GB, bên trong có lắp 01 thẻ sim Viettel số IMEI 1: 353894102267928, số IMEI 2: 353894102231189 thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh A1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 17 Pro Max, màu cam, dung lượng 256GB, bên trong có lắp 01 thẻ sim Viettel, số IMEI1: 357035754899073, số IMEI2: 357035754932205 thu giữ của bị cáo Mao Thái M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xanh, dung lượng 512GB, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel, số IMEI1: 359871974223811, số IMEI2: 9871974223522 thu giữ của bị cáo Hoàng Đức A. Trả lại các vật chứng gồm: Trả lại cho bị cáo Hoàng Đức A 01 căn cước công dân số 020094007788 mang tên Hoàng Đức A; trả lại cho bị cáo Mao Thái M 01 căn cước công dân số 020204008007 mang tên Mao Thái M; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Thị T1 01 xe mô tô biển kiểm soát 12D1-131.71, nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn trắng, đen, bạc, số máy: HC12E5438667, số khung: RLHHC1215DY438428; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Hồng M1 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-143.16, nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn xanh đen bạc, số máy: JA39E1121538, số khung: RLA3914KY260792; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Thúy N 01 xe mô tô biển kiểm soát 12P1-100.62 nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen xám, số máy: JA36E0007270, số khung: RLHJA3609EY001215, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô số AA25/3671840, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020411 biển kiểm soát 12P1-100.62 mang tên Ma Thanh N3. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) dùng làm công cụ ống hút để sử dụng ma túy được niêm phong trong 01 (một) bì có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Công an xã L, tỉnh Lạng Sơn. Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Bế Việt A3.

Buộc các bị cáo Hoàng Đức A, Mao T, Nguyễn Minh A1, Bế V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo đều thấy hối hận về hành vi phạm tội của bản thân và đều cam đoan không tiếp tục vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lưu Xuân B và chị Lương Thị T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của người tham gia tố tụng nêu trên không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Ngày 12/01/2026, các bị cáo Hoàng Đức A, Mao Thái M và Nguyễn Minh A1 đã có hành vi tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng V, quán K2 thuộc thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo Bé Việt A3 có hành vi bán trái phép chất ma túy cho nhóm của Hoàng Đức A, Mao Thái M và Nguyễn Minh A1 để hưởng lợi. Bị cáo Hoàng Đức A là người khởi xướng, rủ bị cáo Mao Thái M và bị cáo Nguyễn Minh A1 cùng sử dụng ma túy; trao đổi với bị cáo Nguyễn Minh A1 việc mua ma túy; chuẩn bị các dụng cụ để cả nhóm sử dụng ma túy như: tự tìm và lấy đĩa sứ hơ nóng; cung cấp thẻ cứng dạng ATM để tán nhỏ, kẻ đường ma túy “Ke”; chế tạo dụng cụ (*ống hút*) bằng tờ tiền mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) gắn với đầu lọc thuốc lá để cả nhóm cùng sử dụng ma túy. Bị cáo Mao Thái M là người chỉ tiền mua ma túy, cung cấp tờ tiền mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) để Hoàng Đức A chế tạo dụng cụ sử dụng ma túy “Ke”, cầm đĩa ma túy “Ke” mời Hoàng Đức A và Nguyễn Minh A1. Bị cáo Nguyễn Minh A1 là người trực tiếp liên hệ, trao đổi và chuyển tiền cho bị cáo Bé Việt A3 để mua ma túy; đến nhà bị cáo Bé Việt A3 lấy ma túy; mang ma túy đến phòng hát để cả nhóm cùng sử dụng; trực tiếp nghiền ma túy K1 và pha chế cho Hoàng Đức A cùng Mao Thái M uống. Bị cáo Bé Việt A3 là người trực tiếp đi mua ma túy “Ke”, “Kẹo” với Nông Quốc T3 rồi bán lại cho Nguyễn Minh A1 để hưởng lợi số tiền là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

[4] Với hành vi trên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn truy tố các bị cáo bị cáo Hoàng Đức A, Mao Thái M và Nguyễn Minh A1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bé Việt A3 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1, Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy cũng như tính trái pháp luật của hành vi nhưng vì mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân và những người khác nên vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét vai trò của từng bị cáo trong tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thấy rằng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò, tính chất tham gia của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Đức A là người khởi xướng việc sử dụng ma túy, trao đổi việc mua ma túy và sử dụng ma túy, chuẩn bị dụng cụ, chế tạo dụng cụ để sử dụng ma túy nên giữ vai trò chính trong vụ án: Bị cáo là người rủ bị cáo Mao Thái M và bị cáo Nguyễn Minh A1 cùng sử dụng ma túy; trao đổi với bị cáo Nguyễn Minh A1 việc tìm mua ma túy; sau khi có ma túy đã chuẩn bị các dụng cụ để cả nhóm sử dụng ma túy, tìm và lấy đĩa sứ hơi nóng, cung cấp thẻ cứng dạng ATM để tán nhỏ, kẻ đường ma túy “Ke”, chỉ đạo bị cáo Mao Thái M cung cấp tờ tiền 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) để chế tạo dụng cụ (ống hút) gắn với đầu lọc thuốc lá để cả nhóm cùng sử dụng ma túy. Hành vi của bị cáo thể hiện sự tích cực, xuyên suốt trong quá trình tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò cao nhất trong nhóm đồng phạm.

[7] Bị cáo Nguyễn Minh A1 là người giúp sức tích cực nhất trong việc liên hệ, trao đổi và chuyển tiền cho bị cáo Bé Việt A3 để mua ma túy; đến nhà bị cáo Bé Việt A3 lấy ma túy; mang ma túy đến phòng hát để cả nhóm cùng sử dụng; trực tiếp nghiền ma túy K1 và pha chế cho bị cáo Hoàng Đức A cùng bị cáo Mao Thái M uống. Do vậy vai trò của bị cáo chỉ thấp hơn bị cáo Hoàng Đức A và cao hơn bị cáo Mao Thái M.

[8] Đối với bị cáo Mao Thái M là người giúp sức tích cực. Bị cáo đã chi tiền mua ma túy, cung cấp tờ tiền mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) để bị cáo Hoàng Đức A chế tạo dụng cụ sử dụng ma túy “Ke”, cầm đĩa ma túy “Ke” mời bị cáo Hoàng Đức A và bị cáo Nguyễn Minh A1 nên vai trò của bị cáo thấp hơn bị cáo Hoàng Đức A và bị cáo Nguyễn Minh A1.

[9] Bị cáo Bé Việt A3 là người trực tiếp đi mua ma túy “Ke”, “Kẹo” với Nông Quốc T3 rồi bán lại cho Nguyễn Minh A1 để hưởng lợi số tiền là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy; hành vi của bị cáo mang tính chất độc lập, không thuộc đồng phạm hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với các bị cáo khác.

[10] Để xem xét quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì cần phải xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cá thể hóa hình phạt.

[11] Xét về nhân thân: Trước khi phạm tội, các bị cáo Hoàng Đức A, Nguyễn Minh A1, Mao T chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên xác định đều là người có nhân thân tốt. Bị cáo Bé Việt A3 bị Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án số 88/2012/HSST ngày 25/6/2012. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xoá án tích; tích cực rèn luyện, tham gia phục vụ tại ngũ tại Đồn Biên phòng cửa khẩu C, được đứng trong hàng ngũ của Đ.

[12] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[13] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Đức A có ông nội là ông Hoàng Văn N4 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo Nguyễn Minh A1 có ông nội là Nguyễn Hữu L3 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công, Huân chương kháng chiến hạng Nhất; có bà nội là Nguyễn Thị L4 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; bố đẻ của Nguyễn Minh A1 là ông Nguyễn Tuấn A2 hiện đang thờ cúng ông Nguyễn Hữu D1 (anh trai ông Nguyễn Tuấn A2) là Liệt sĩ được Nhà nước tặng danh hiệu Tổ quốc ghi công; bị cáo tham gia đóng góp tiền ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc Da Cam số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” tỉnh Lạng Sơn năm 2026 số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng); tại phiên tòa, bố của bị cáo là ông Nguyễn Tuấn A2 xuất trình thêm tài liệu ông bị bệnh hiểm nghèo, hiện đang điều trị tại Bệnh viện K1 Trung ương có xác nhận của Bệnh viện K4. Bị cáo Bé Việt A3 có ông nội là Bé Kim T4 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; có bà nội là Trần Thị L5 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; từ năm 2015 đến năm 2017 bị cáo đã tham gia phục vụ tại ngũ tại Đồn Biên phòng cửa khẩu C; bị cáo tham gia đóng góp ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” tỉnh Lạng Sơn năm 2026 với số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) nên các bị cáo Hoàng Đức A, Nguyễn Minh A1, Bé V được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[14] Về hình phạt chính: Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm, đồng thời để các bị cáo cải tạo thành những công dân có ích cho xã hội.

[15] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh tại địa phương, các bị cáo không có tài sản riêng, không có công việc và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[16] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đối với số ma túy Ketamine còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng chất ma túy Ketamine và vỏ bao gói còn lại sau giám định; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa cứng màu đen; 03 ly nhựa; 01 bật lửa nhãn hiệu thống nhất màu đỏ; 03 đoạn vỏ đầu lọc thuốc lá là công cụ, phương tiện được sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 thu giữ của bị cáo Bé Việt A3, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh A1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 17 Pro Max thu giữ của bị cáo Mao Thái M, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max thu giữ của bị cáo Hoàng Đức A, đây là các phương tiện được các bị cáo sử dụng vào việc liên lạc, trao đổi, nhận và chuyển tiền để mua ma túy và thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước. Đối với 01 căn cước công dân số 020094007788 mang tên Hoàng Đức A, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Hoàng Đức A và 01 căn cước công dân số 020204008007 mang tên Mao Thái M không phải là vật chứng của vụ án nên cần trả lại cho các bị cáo. Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 12D1-131.71 nhãn hiệu HONDA WAVE của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Thị T1; 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-143.16, nhãn hiệu HONDA WAVE của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Hồng M1; 01 xe mô tô biển kiểm soát 12P1-100.62 nhãn hiệu HONDA của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Thúy N, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô số AA25/3671840, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020411 biển kiểm soát 12P1-100.62 mang tên Ma Thanh N3, quá trình điều tra không xác định các tài sản này được sử dụng vào việc phạm tội hoặc có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp. Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) được sử dụng làm ống hút để sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[17] Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), quá trình điều tra xác định đây là số tiền hưởng lợi do bị cáo Bé Việt A3 đi mua ma túy rồi bán lại cho bị cáo Nguyễn Minh A1 theo thỏa thuận mua bán ma túy. Đây là số tiền được sử dụng trực tiếp vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần truy thu, buộc bị cáo Bé Việt A3 nộp lại số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước theo quy định.

[18] Đối với ông Lưu Xuân B là người đại diện theo pháp luật, người quản lý kinh doanh dịch vụ karaoke nhưng để xảy ra hoạt động Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực do mình quản lý. Hành vi của Lưu Xuân B đã vi phạm quy định tại điểm h, khoản 5, Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong

lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội; Phòng, chống bạo lực gia đình. Ngày 29/5/2026 Phòng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đối với ông Lưu Xuân B là đúng quy định, cùng ngày ông Lưu Xuân B đã nộp phạt xong.

[19] Đối với Lê Thị T2, Hoàng Thị L1 và Chu Thị L2 là nhân viên của hộ kinh doanh Sao M4 không tham gia hoặc giúp sức vào hoạt động tổ chức sử dụng ma túy; không biết việc các đối tượng sử dụng ma túy trong phòng hát do đó không có căn cứ để xử lý về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

[20] Đối với Nông Quốc T3, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Số G, đường K, khối B, phường K, tỉnh Lạng Sơn. Theo lời khai của bị cáo Bé Việt A3, ngày 12/01/2026, sau khi bị cáo Nguyễn Minh A1 liên hệ hỏi tìm mua ma túy để sử dụng, bị cáo Bé Việt A3 đã liên lạc với Nông Quốc T3 để mua ma túy. Cơ quan điều tra đã triệu tập Nông Quốc T3 để làm việc, tại Cơ quan điều tra Nông Quốc T3 trình bày do trước đây cùng làm shipper nên Nông Quốc T3 có quen biết với bị cáo Bé Việt A3. Sau khi nghỉ làm, Nông Quốc T3 vẫn thường xuyên gọi bị cáo Bé Việt A3 ship đồ ăn đến nhà nhiều lần. Khoảng 12 giờ trưa ngày 12/01/2026, Nông Quốc T3 có gọi điện thoại báo bị cáo Bé Việt A3 giao đồ ăn đến nhà, khi mang đồ ăn đến do Nông Quốc T3 chỉ có tiền mặt không còn tiền trong tài khoản để giao dịch nên có nhờ bị cáo Bé Việt A3 chuyển vào tài khoản 88868888338 số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) thông qua mã QR, sau khi nhận tiền, Nông Quốc T3 đưa tiền mặt cho bị cáo Bé Việt A3 xong đi về luôn. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo Bé Việt A3 với Nông Quốc T3 nhưng Nông Quốc T3 vẫn khẳng định bản thân chỉ nhờ bị cáo Bé Việt A3 chuyển tiền vào tài khoản để có tiền trong tài khoản giải quyết một số việc gia đình, không liên quan gì đến việc bán ma túy cho bị cáo Bé Việt A3. Nông Quốc T3 còn trình bày trước đây vào khoảng tháng 12/2025 có được nhờ bị cáo Bé Việt A3 chuyển khoản số tiền 4000.000đ (bốn triệu đồng) vào tài khoản Nông Quốc T3, xong Nông Quốc T3 cũng đưa lại tiền mặt đầy đủ cho bị cáo Bé Việt A3 và bị cáo Bé Việt A3 cũng thừa nhận trước đó cũng đã được đổi tiền mặt và chuyển tiền qua tài khoản như Nông Quốc T3 trình bày. Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định phòng K3 Công an tỉnh L về chiếc điện thoại Iphone 13 của bị cáo Bé Việt A3 sử dụng để khôi phục dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn trong ứng dụng Messenger mà bị cáo Bé Việt A3 trao đổi mua ma túy với Nông Quốc T3, do bị cáo Bé Việt A3 sau khi trao đổi mua ma túy với Nông Quốc T3 xong đã xóa toàn bộ nội dung trong ứng dụng M2 và xóa kết bạn với Nông Quốc T3 nên không thể khôi phục được dữ liệu. Căn cứ vào lời khai của bị cáo Bé Việt A3, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh được hành vi vi phạm pháp luật của Nông Quốc T3 trong vụ án nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đối với Nông Quốc T3.

[20] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21] Các bị cáo Hoàng Đức A, Nguyễn Minh A1, Mao T, Bé Việt A3 là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. .

[23] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Đức A, Nguyễn Minh A1;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mao Thái M;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bé Việt A3.

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Đức A, Nguyễn Minh A1, M6 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Bé Việt A3 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Đức A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 01 năm 2026.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A1 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 01 năm 2026.

2.3. Xử phạt bị cáo Mao Thái M 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 01 năm 2026.

2.4. Xử phạt bị cáo Bé Việt A3 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 01 năm 2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng chất ma túy Ketamine và vỏ bao gói còn lại sau giám định; 03 đoạn vỏ đầu lọc thuốc lá được niêm phong trong 01 (một) bì có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Công an xã L, tỉnh Lạng Sơn; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ ATM nhựa cứng màu đen; 03 ly nhựa cứng, trắng trong; 01 bật lửa nhãn hiệu thống nhất màu đỏ.

3.2. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu xanh, dung lượng 128GB, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel, số IMEI1: 35869173913368, số IMEI2: 358691739243644 thu giữ của bị cáo Bế Việt A3;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, dung lượng 64GB, bên trong có lắp 01 thẻ sim Viettel số IMEI 1: 353894102267928, số IMEI 2: 353894102231189 thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh A1;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 17 Pro Max, màu cam, dung lượng 256GB, bên trong có lắp 01 thẻ sim Viettel, số IMEI1: 357035754899073, số IMEI2: 357035754932205 thu giữ của bị cáo Mao Thái M;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xanh, dung lượng 512GB, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel, số IMEI1: 359871974223811, số IMEI2: 9871974223522 thu giữ của bị cáo Hoàng Đức A.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) dùng làm công cụ ống hút để sử dụng ma túy được niêm phong trong 01 (một) bì có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Công an xã L, tỉnh Lạng Sơn.

3.3. Trả lại các vật chứng gồm:

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Đức A 01 CCCD số 020094007788 mang tên Hoàng Đức A; 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Hoàng Đức A;

- Trả lại cho bị cáo Mao Thái M 01 CCCD số 020204008007 mang tên Mao Thái M;

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Thị T1 01 xe mô tô biển kiểm soát 12D1-131.71, nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn trắng, đen, bạc, số máy: HC12E5438667, số khung: RLHHC1215DY438428;

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Hồng M1 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-143.16, nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn xanh đen bạc, số máy: JA39E1121538, số khung: RLA3914KY260792;

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Thúy N 01 xe mô tô biển kiểm soát 12P1-100.62, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen xám, số máy: JA36E0007270, số khung:

RLHJA3609EY001215; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô số AA25/3671840; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020411 biển kiểm soát 12P1-100.62 mang tên Ma Thanh N3.

4. Biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Bế Việt A3.

5. Án phí: Các bị cáo Hoàng Đức A, Nguyễn Minh A1, Mao T, Bế Việt A3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Tạm giam các bị cáo trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 34, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- PC10 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- PC 04 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 – Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Kim Thêu